

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS – ST
Ngày: 30 – 8 – 2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Ông Huỳnh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2019/TLST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST – DS ngày 30/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST – DS ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của là L: Ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1956; Địa chỉ: cư xá 1, phường 27, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: cư xá 1, phường 27, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Mai Văn Toàn (Toàn), sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc L tại Tòa án:

Ngày 20/02/2018 bà Trần Thị Ngọc L cho bà Trần Thị V, ông Mai Văn T vay số tiền 600.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm (đến 20/02/2019). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Do hai bên quen biết nhau nên bà L không nhận tài sản gì thế chấp đảm bảo việc vay. Trong quá trình vay bà V, ông T đã thanh toán được 04 tháng tiền lãi (mỗi tháng 18.000.000 đồng), tổng cộng là 72.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó không trả tiền lãi nữa. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V, ông T trả lại cho bà L số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 20/6/2018 đến nay.

Bà L xác nhận trong số tiền 600.000.000 đồng cho bà V, ông T vay có 300.000.000 đồng là tiền của ông L1. Bà L và ông L1 có quan hệ thân thích với nhau nên đã tự thỏa thuận sau khi đòi được tiền nợ từ bà V sẽ tự chia với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tiền vay này.

Bị đơn bà Trần Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị V, ông Mai Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập... Tuy nhiên, bà V, ông T không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Các phiên họp và hòa giải đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tiến hành xác minh tại Công an xã PT cho biết: Bà Trần Thị V, sinh năm 1966 và ông Mai Văn T, sinh năm 1962 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: ấp P, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay bà V, ông T đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn K trình bày:

Ông Đinh Văn K và bà Trần Thị Ngọc L là vợ chồng. Ông xác nhận trong số tiền 600.000.000 đồng bà L cho bà V, ông T vay có 300.000.000 đồng là tài sản chung của ông và bà L; 300.000.000 đồng là tài sản của ông Nguyễn Phước L1. Tuy nhiên giữa bà L và ông L1 tự thỏa thuận với nhau về việc góp tiền cho bà V, ông T vay. Bà L đứng ra cho bà V, ông T vay 600.000.000 đồng nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc vợ chồng bà V ông T phải trả lại cho bà L 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước L1 trình bày:

Ông Nguyễn Phước L1 và bà Trần Thị Ngọc L là anh em họ. Ông L1 có góp chung với bà L số tiền 300.000.000 đồng để cho vợ chồng bà V, ông T vay. Bà L là người đứng ra cho vay, ký giấy vay tiền và nhận tiền lãi. Đến hạn thanh toán bà L nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng bà V, ông T không trả. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà V, ông T phải trả lại số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông L1 xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Việc ông và bà L góp tiền cho bà V, ông T vay sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất. Yêu cầu bà V, ông T trả lại số tiền vay là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định

của pháp luật từ ngày 20/6/2018 đến ngày 20/8/2019 (làm tròn tháng). Đối với số tiền lãi vượt quá lãi suất pháp luật quy định, bà L đồng ý căn trừ vào phần tiền lãi cho bà V, ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L1, ông K đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/6/2018 đến ngày 20/8/2019, số tiền lãi vượt quá lãi suất pháp luật quy định đề nghị khấu trừ vào tiền lãi của những tháng tiếp theo. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị Ngọc L yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị V, ông Mai Văn T trả số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/6/2018 đến 20/8/2019; các đương sự đang cư trú tại huyện Long Điền nên Tòa án xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Trần Thị V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông T theo luật định.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ngày 20/02/2018 bà Trần Thị Ngọc L cho bà Trần Thị V, ông Mai Văn T vay số tiền 600.000.000 đồng. Giữa hai bên đã tự lập “Hợp đồng vay tiền” không ghi ngày, tháng, năm xác định thời hạn vay từ ngày 20/02/2018 đến ngày 20/02/2019. Do hai bên quen biết nhau nên bà L không nhận tài sản thế chấp đảm bảo việc vay. Nội dung hợp đồng vay tiền không ghi mức lãi suất vay. Tuy nhiên, bà L thừa nhận mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, lãi trả hàng tháng. Đến hạn bà V, ông T không thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi 08 tháng cho bà Lan nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Tòa án đã tổng đạt cho bà V, ông T bản sao Hợp đồng vay tiền do nguyên đơn cung cấp nhưng bà V, ông T không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử căn

cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc vay tiền giữa các bên là sự thật. Do bà V, ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V, ông T phải thanh toán 600.000.000 đồng tiền nợ gốc cho bà L.

Tại các buổi làm việc, bà L thừa nhận trong số tiền 600.000.000 đồng cho bà V, ông T vay có 300.000.000 đồng là tiền của ông Nguyễn Phước Lộc góp chung với bà Lan. Ông L1, bà L thỏa thuận để bà L đại diện cho bà V, ông T vay. Ông L1, bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc góp tiền chung với nhau trong vụ án, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V, ông T trả tiền nợ gốc và lãi cho bà L. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết việc góp tiền chung giữa ông L1 và bà L trong vụ án này.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy:

Tại hợp đồng vay tiền hai bên không ghi nhận mức lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Tòa án bà L thừa nhận mức lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Bà V, ông T đã thanh toán được cho bà L 04 tháng tiền lãi, mỗi tháng 18.000.000 đồng x 4 tháng = 72.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà V, ông T thanh toán tiền lãi từ ngày 20/6/2018 đến ngày 20/8/2019 và đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá lãi suất pháp luật quy định cho bà V, ông T.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng (36%/năm) đã vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Hội đồng xét xử tính lại mức lãi suất của khoản vay (từ ngày 20/02/2018 đến ngày 20/8/2019) như sau: 600.000.000 đồng x 20% x 18 tháng = 180.000.000 đồng. Bà L thừa nhận bà V, ông T đã thanh toán được 72.000.000 đồng tiền lãi. Vì vậy, số tiền lãi bà V, ông T phải thanh toán cho bà L là: 180.000.000 đồng – 72.000.000 đồng = 108.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi suất bà V, ông T phải thanh toán cho bà L là: 600.000.000 đồng + 108.000.000 đồng = 708.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận nên bà V, ông T phải nộp số tiền án phí có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 708.000.000 đồng.

Bà L không phải nộp án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị V.

Buộc bà Trần Thị V và ông Mai Văn T phải trả cho bà Trần Thị Ngọc L số tiền 708.000.000đ (bảy trăm lẻ tám triệu đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), tiền lãi là 108.000.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị V, ông Mai Văn T phải nộp số tiền 32.320.000 đồng (ba mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Ngọc L không phải nộp án phí và được hoàn trả lại số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2017/0008300 ngày 17/4/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung